

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T
TỈNH ĐỒNG NAI**

Bản án số: **86/2021/HSST**
Ngày: 24/5/2021

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T**

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Ký

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Tạ Văn Đài

Ông Đinh Ngọc Hùng

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Đinh Thị Hà - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Đồng Nai

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:* Ông Phạm Ngọc Lương - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, Tòa án tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: **87/2021/HSST**, ngày 22/4/2021 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 66/2021/HSST-QĐ, ngày 29/04/2021 đối với bị cáo:

Nguyễn Văn H, sinh năm 2001 tại Đắc Lắc. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ 10, ấp 4, xã S, huyện T, tỉnh Đồng Nai; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 9/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1978 và bà Quán Thị H1, sinh năm 1983; Bị cáo chưa có vợ, con. Tiền án, tiền sự: Không; Bị bắt ngày 18/12/2020 – Bị cáo có mặt.

- Bị hại:

+ Chị Trương Thị H2, sinh năm 1983.

Địa chỉ: Nhà nghỉ G9, khu phố 5, thị trấn T, huyện T, tỉnh Đồng Nai;

+ Chị Nguyễn Thị Hương M, sinh năm 1998, địa chỉ: 139, tổ 5, ấp 6, xã S, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

+ Chị Nguyễn Thị L1, sinh năm 1988, địa chỉ: Ấp Q, xã Q, huyện T, tỉnh Đồng Nai;

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Anh Nguyễn Nhật L2, sinh năm 1991, địa chỉ: Tổ 6A, khu 4, thị trấn T, huyện T, tỉnh Đồng Nai;

+ Anh Nguyễn Văn C, sinh năm 1991. Hộ khẩu thường trú: Thôn H, xã Q, huyện Q, tỉnh Thừa Thiên Huế. Tạm trú: Ấp 1, xã S, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

(bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Văn H là đối tượng nghiện ma túy và không có việc làm ổn định. Để có tiền tiêu xài cá nhân, H đã thực hiện 03 vụ trộm cắp tài sản, cụ thể như sau:

+ Vụ thứ nhất: Vào khoảng 23 giờ ngày 06/12/2020, H đến nhà nghỉ G9 thuộc khu phố 5, thị trấn T, huyện T, tỉnh Đồng Nai để thuê phòng nghỉ. Đến khoảng 06 giờ ngày 07/12/2020, lợi dụng sơ hở của nhân viên nhà nghỉ nên H lén lút rút dây điện ổ khóa xe mô tô biển số 60H1 – 172.18 của anh Nguyễn Văn C là khách thuê phòng nghỉ rồi nổ máy điều khiển xe đến gặp Lê Văn S nói cần đổi xe mô tô trên lấy ma túy sử dụng. S đã cùng Mai Hồng Đ, địa chỉ: Ấp 5, thị trấn G, huyện G, tỉnh Bạc Liêu dẫn H lên khu vực quận G, thành phố Hồ Chí Minh để H đổi xe mô tô biển số 60H1 – 172 lấy số ma túy giá 2.000.000đ. Sau đó, H cùng S, Đ chia nhau sử dụng hết số ma túy trên.

Theo bản kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự thuộc Ủy ban nhân dân huyện T thì 01 xe mô tô hiệu FULAI biển số 60H1 – 172.18, số máy 152FMH201763, số khung: H064DE201763 trị giá 20.000.000đ;

Vụ thứ 2: Do quen biết với anh trai của chị Nguyễn Thị Hương M nên vào khoảng ngày 10/12/2020, H đến nhà chị M, địa chỉ: Ấp 6, xã S, huyện T, tỉnh Đồng Nai để ngủ nhờ. Đến khoảng 01 giờ ngày 11/12/2020, H lén lút trộm cắp của chị M 01 điện thoại di động hiệu Samsung J8 màu đen và 01 xe mô tô hiệu Exciter biển số 60H1 – 007.91 rồi điều khiển xe đến cổng Bệnh viện đa khoa khu vực T. Tại đây, H dùng cờ lê mang theo biển số xe 60H1 – 007.91 ra rồi trộm 01 biển số xe 71C1 – 530.93 trong bãi giữ xe của Bệnh viện gắn vào xe mô tô trộm cắp của chị M. Sau đó, H tiếp tục điều khiển xe lưu thông về hướng huyện V để thuê nhà nghỉ. Trên đường đi, H đã vứt bỏ biển số xe 60H1 – 007.91 vào thùng rác gần khu vực giáo xứ B thuộc ấp S, xã B, huyện T. Đến sáng ngày 12/12/2020, H đem điện thoại trộm cắp của chị M bán cho một tiệm điện thoại không nhớ tên và địa chỉ được 400.000đ, sau đó điều khiển xe mô tô chạy về nhà nghỉ “T” thuộc xã Đồi 61, huyện T, tỉnh Đồng Nai để thuê phòng nghỉ. Đến 10 giờ cùng ngày, Công an xã Đồi 61, huyện T đến kiểm tra thì phát hiện H khai tên giả là Hà Minh N, do không xuất trình được giấy đăng ký xe mô tô có gắn biển số 71C1 – 530.93 nên Công an xã Đồi 61 đã lập biên bản tạm giữ xe mô tô trên.

Vật chứng thu giữ: 01 xe mô tô hiệu Exciter; 01 giấy chứng minh nhân dân tên Hà Minh N.

Theo bản kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự thuộc Ủy ban nhân dân huyện T thì 01 xe mô tô hiệu Exciter, số máy G3D4E1037380, số khung:

RLCUG1010LY266351 có gắn biển số 71C1 – 530.93 trị giá 35.000.000đ; 01 điện thoại di động hiệu Sungsung J8 trị giá 3.000.000đ.

+ Vụ thứ ba: Vào khoảng 06 giờ ngày 16/12/2020, H đi bộ đến khu vực xã Q, huyện T thì phát hiện nhà chị Nguyễn Thị L1 tại ấp Q, xã Q, huyện T, tỉnh Đồng Nai không khóa cổng, bên hông nhà có 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Vission biển số 60H1 0 008.23, số máy JF66E0796205, số khung RLHJF5816GY nên H lén lút vào nhà lấy 01 chùm chìa khóa sau đó đẩy xe đến mô tô của chị L1 ra ngoài dùng chìa khóa mở khóa xe và chạy đến Bệnh viện đa khoa khu vực T. H để xe bên ngoài bệnh viện rồi đi vào trong bãi xe của bệnh viện sử dụng 01 cờ lê tháo trộm 01 biển số 60H1 – 078.86 rồi đem gắn vào trong xe mô tô trộm cắp được của L1 còn biển số 60H1 – 008.23 H vứt vào thùng rác trước cổng bệnh viện. Sau đó, H điều khiển xe mô tô chạy về nhà Ngô Trung H3 tại ấp Q, xã Q và mượn điện thoại của H gọi cho một người tên P để bán xe. Đến khoảng 10 giờ 30 cùng ngày thì H nhờ Ngô Trung H3 điều khiển xe mô tô trộm cắp của chị L1, H sử dụng 01 xe mô tô chưa rõ biển số, số máy JF58E – 0165652, số khung: RLHJF5805EY165586 cùng đi đến khu vực cầu S, phường T, thành phố B. Tại đây H đã bán xe ô tô trộm cắp được của chị L1 cho P giá 6.000.000đ, sau đó H chở H3 về và cho H3 số tiền 100.000đ, còn lại H mua ma túy sử dụng và tiêu xài cá nhân hết.

Bị mất tài sản, chị Nguyễn Thị L1 đã nhờ một người tên M1 không rõ lai lịch đi chuộc lại xe mô tô bị H trộm cắp. Sau đó chị L1 đến cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện T trình báo.

Vật chứng thu giữ: 01 xe mô tô hiệu Vission gắn biển số 60F1 – 437.50, số máy JF66E0796205, số khung RLHJF5816GY534161; 01 xe mô tô chưa rõ biển số, số máy JF58E – 0165652, số khung: RLHJF5805EY 165586.

Theo bản kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự thuộc Ủy ban nhân dân huyện T thì 01 xe mô tô hiệu Vission, số máy JF66E0796205, số khung RLHJF5816GY534161; 01 xe mô tô chưa rõ biển số, số máy JF58E – 0165652, số khung: RLHJF5805EY 165586 trị giá 25.900.000đ.

Xử lý vật chứng: Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện T đã ra Quyết định xử lý vật chứng trả lại 01 xe mô tô hiệu Exciter cho chị Nguyễn Thị Hương M; trả lại 01 xe mô tô nhãn hiệu Vission cho chị Nguyễn Thị L1, trả lại xe mô tô biển số 71C1 – 530.93 cho anh Trần Minh T.

Đối với biển số xe mô tô 60H1 – 078.86 là của anh Hồ T1, cơ quan điều tra đã trả lại cho anh T1 là có căn cứ. Đối với xe mô tô nhãn hiệu Vission không có biển số, số máy JF58E0165652, số khung RLHJF5805EY165586 chưa xác định được chủ sở hữu; 01 biển số xe mô tô 60F1 – 437.50 không xác định được chủ sở

hữu và 01 thẻ căn cước công dân số 079098010593 tên Hà Minh N chưa làm việc được với anh N nên cơ quan điều tra tách ra xử lý sau.

Đối với 01 điện thoại di động hiệu Samsung J8, do H không nhớ địa điểm đã bán điện thoại nên cơ quan cảnh sát điều tra không có cơ sở xác minh, xử lý.

Đối với 01 xe mô tô biển số 60H1 – 172.18, H đổi cho một đối tượng không rõ nhân thân lai lịch nên cơ quan cảnh sát điều tra không có cơ sở xác minh thu hồi.

Đối với 01 cờ lê (khóa 10) dùng để tháo biển số, H đã làm rách mất nên cơ quan cảnh sát điều tra không có căn cứ thu hồi.

Đối với 01 USB quay cảnh Nguyễn Văn H thực hiện hành vi trộm cắp tài sản tại nhà nghỉ G9, đề nghị lưu giữ hồ sơ vụ án.

Về dân sự: Chị Trương Thị H2 chủ nhà nghỉ đã bồi thường cho anh Nguyễn Nhật L2 số tiền 15.000.000đ, chị H2, anh C và anh L2 không yêu cầu gì về dân sự.

Đối với Lê Văn S, Mai Hồng Đ và Ngô Trung H3 khi giúp H đi bán và đổi các xe mô tô không biết đó là tài sản do H trộm cắp mà có nên cơ quan cảnh sát điều tra không xử lý. Đối với đối tượng tên P mua xe mô tô do H trộm cắp của chị L1, do không rõ nhân thân lai lịch nên cơ quan cảnh sát điều tra tách ra làm rõ xử lý sau.

Tại bản Cáo trạng số 98/CT/VKS-TB, ngày 20/4/2021, Viện kiểm sát nhân dân huyện T đã truy tố bị cáo Nguyễn Văn H về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm c khoản 2 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T giữ nguyên nội dung cáo trạng, phân tích tính chất, mức độ hành vi phạm tội, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ và đề xuất xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H từ 03 năm tù đến 03 năm 06 tháng tù.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Trong khoảng thời gian từ ngày 06/12/2020 đến ngày 16/12/2020, trên địa bàn huyện T, tỉnh Đồng Nai, Nguyễn Văn H có hành vi thực hiện 03 vụ trộm cắp tài sản gồm 01 xe mô tô hiệu Fulai biển số 60H1 – 172.18 trị giá 20.000.000đ của anh Nguyễn Văn C; 01 xe mô tô hiệu Exciter biển số 60H1 – 007.91 trị giá 35.000.000đ và 01 điện thoại di động hiệu Samsung J8 trị giá 3.000.000đ của chị Nguyễn Thị Hương M; 01 xe mô tô hiệu Vission biển số 60H1 – 008.23 trị giá 25.900.000đ của chị Nguyễn Thị L1, tổng giá trị tài sản bị cáo chiếm đoạt của các bị hại là 83.900.000đ. Lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai các bị hại, người làm chứng và các chứng cứ khác có tại hồ sơ nên có đủ cơ sở kết luận bị cáo Nguyễn Văn H phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự như cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố.

[2] Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến tài sản thuộc sở hữu của người khác, gây mất an ninh trật tự tại địa phương, do vậy cần phải có mức án nghiêm tương xứng với tính chất, mức độ phạm tội của bị cáo nhằm răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

[3] Xét tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ nhận thấy: Trong vụ án này bị cáo chưa có tiền án, tiền sự; thành khẩn khai báo và tỏ ra ăn năn hối cải. Bị cáo có 01 tình tiết tăng nặng là phạm tội nhiều lần quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự; số tiền chiếm đoạt rất lớn.

[4] Về xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp:

Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện T đã trả lại 01 xe mô tô hiệu Exciter cho chị Nguyễn Thị Hương M; trả lại 01 xe mô tô nhãn hiệu Vission cho chị Nguyễn Thị L1, trả lại xe mô tô biển số 71C1 – 530.93 cho anh Trần Minh T; trả lại 01 biển số xe mô tô 60H1 – 078.86 cho anh Hồ T1 là có căn cứ.

Đối với 01 xe mô tô nhãn hiệu Vission không có biển số, số máy JF58E0165652, số khung RLHJF5805EY165586 chưa xác định được chủ sở hữu; đối với 01 thẻ căn cước công dân số 079098010593 tên Hà Minh N, chưa làm việc được với anh N; đối với 01 biển số xe mô tô 60F1 – 437.50 không xác định được chủ sở hữu nên kiến nghị cơ quan cảnh sát điều tra tiếp tục xác minh xử lý.

Đối với 01 USB ghi lại hình ảnh Nguyễn Văn H thực hiện hành vi trộm cắp tài sản tại nhà nghỉ G9, cần lưu giữ hồ sơ vụ án.

Đối với 01 xe mô tô biển số 60H1 – 172.18, H đổi cho một đối tượng không rõ nhân thân lai lịch nên cơ quan cảnh sát điều tra không có cơ sở xác minh thu hồi.

Đối với 01 cờ lê (khóa 10) dùng để tháo biển số, H đã làm mất nên cơ quan cảnh sát điều tra không có căn cứ thu hồi.

Đối với 01 điện thoại di động hiệu Samsung J8, do H không nhớ địa điểm đã bán điện thoại nên cơ quan cảnh sát điều tra không có cơ sở xác minh, xử lý.

Đối với Lê Văn S, Mai Hồng Đ và Ngô Trung H3 khi giúp H đi bán và đổi các xe mô tô nhưng không biết đó là tài sản do H trộm cắp mà có nên cơ quan cảnh sát điều tra không xử lý. Đối với đối tượng tên P mua xe mô tô do H trộm cắp của chị L1, do không rõ nhân thân lai lịch nên cơ quan cảnh sát điều tra tách ra làm rõ xử lý sau.

Đối với Trần Văn T2 và bị cáo Nguyễn Văn H có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy, kiến nghị cơ quan điều tra xem xét xử phạt hành chính.

[5] Về dân sự: Chị Trương Thị H2 chủ nhà nghỉ đã bồi thường cho anh Nguyễn Nhật L2 số tiền 15.000.000đ, chị H2, anh C và anh L2 không yêu cầu gì về dân sự. Chị Nguyễn Thị Hương M yêu cầu bị cáo H bồi thường 3.000.000đ giá trị chiếc điện thoại bị cáo chiếm đoạt, chị Nguyễn Thị L1 yêu cầu bị cáo bồi

thường 6.000.000đ là số tiền chị L1 chuộc lại xe mô tô. Tại phiên tòa bị cáo đồng ý bồi thường cho bị hại theo yêu cầu này nên ghi nhận sự tự nguyện của bị cáo.

[6] Về án phí: Buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] Xét tính hợp pháp của các quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên, trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử thì thấy đúng với quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn H phạm tội “Trộm cắp tài sản”:

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Văn H** 03 (ba) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 18/12/2020.

2. Căn cứ Điều 589 Bộ luật dân sự: Buộc bị cáo Nguyễn Văn H bồi thường cho chị Nguyễn Thị Hương M số tiền 3.000.000đ (ba triệu đồng) và bồi thường cho chị Nguyễn Thị L1 số tiền 6.000.000đ (sáu triệu đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chưa thanh toán số tiền trên thì hàng tháng còn phải chịu lãi của số tiền chưa thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại khoản 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Căn cứ Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án: Buộc bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm và 450.000đ (bốn trăm năm mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

4. Bị cáo được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Những bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại địa phương.

Nơi nhận:

- Bị cáo; bị hại;
- Người liên quan;
- Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai;
- Cơ quan điều tra Công an huyện T;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Bộ phận T.H.A hình sự;
- Chi cục T.H.A dân sự huyện T
- Sở tư pháp tỉnh Đồng Nai;
- UBND cấp xã nơi bị cáo cư trú;
- Lưu hồ sơ.

Lê Thị Ký